

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp vào đại học hệ chính quy Trường Đại học Hà Nội năm 2020**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1778/BGDĐT-GDDH hướng dẫn công tác tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020 của Trường Đại học Hà Nội;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) đại học hệ chính quy năm 2020,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp vào đại học hệ chính quy Trường Đại học Hà Nội năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020. Các văn bản liên quan trái với quyết định này đều hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Các Ông/Bà thành viên Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) đại học hệ chính quy năm 2020, các ban giúp việc cho HĐTS đại học hệ chính quy năm 2020, Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Hành chính Tổng hợp và Trưởng các đơn vị giảng dạy trong toàn trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ GD-ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã kí)

**Nguyễn Văn Trào**

**QUY ĐỊNH XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THĂNG  
VÀ XÉT TUYỂN KẾT HỢP VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 859/QĐ-ĐHHN ngày 02 tháng 6 năm 2020)*

Trường Đại học Hà Nội quy định cụ thể về việc xét tuyển thăng, ưu tiên xét tuyển thăng và xét tuyển kết hợp vào Trường trong kỳ tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2020 như sau:

**I. Các đối tượng được tuyển thăng**

Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 7, Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

**II. Các đối tượng được ưu tiên xét tuyển thăng**

1. Thí sinh thuộc diện tuyển thăng tại Mục I nhưng không sử dụng quyền tuyển thăng, được ưu tiên xét tuyển thăng: thí sinh có kết quả thi THPT năm 2020 đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Trường Đại học Hà Nội, Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội xem xét, quyết định cho vào học (Danh mục ngành đào tạo quy định tại *Phụ lục 1*).

2. Các trường hợp khác sẽ do Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội xem xét và quyết định.

**III. Các đối tượng đủ điều kiện xét tuyển kết hợp theo quy định của Trường Đại học Hà Nội**

- Đối tượng 1:** Thí sinh là học sinh các lớp chuyên thuộc trường THPT chuyên (danh sách trong *Phụ lục 2*) và đáp ứng các tiêu chí sau: (1) Đạt danh hiệu học sinh giỏi và có hạnh kiểm tốt 03 năm THPT; (2) Có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ hoặc Toán, Vật lý, Tiếng Anh) đạt tối thiểu 21,0 điểm (không nhân hệ số, không tính điểm ưu tiên) và không có môn thi tốt nghiệp THPT nào dưới 5,0 điểm; (3) Điểm trung bình chung môn ngoại ngữ từng năm THPT đạt từ 7,0 trở lên.
- Đối tượng 2:** Thí sinh là học sinh THPT có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (danh mục chứng chỉ quy định trong *Phụ lục 4*) trong thời hạn không quá 02 năm kể từ ngày cấp đến ngày 18/8/2020 và đáp ứng các tiêu chí sau: 1) Đạt danh hiệu học sinh giỏi và có hạnh kiểm tốt 03 năm THPT; (2) Có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ hoặc Toán, Vật lý, Tiếng Anh) đạt tối thiểu 21,0 điểm (không nhân hệ số, không tính điểm ưu tiên) và không có môn thi tốt nghiệp THPT nào dưới 5,0 điểm; (3) Điểm trung bình chung môn ngoại ngữ từng năm THPT đạt từ 7,0 trở lên.
- Đối tượng 3:** Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test - Hoa Kỳ) đạt điểm từ 1100/1600 trở lên và còn thời hạn; Thí sinh có kết quả trong kỳ thi ACT (American College Testing - Hoa Kỳ) từ 24 điểm (thang điểm 36) trở lên và còn thời hạn; Thí sinh có chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Vương quốc Anh (Cambridge International

Examinations A-Level, UK) sử dụng kết quả 03 môn để thay thế cho 03 môn xét tuyển của ngành học đăng ký, mức điểm mỗi môn đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUMrange  $\geq 60$ ) và đã tốt nghiệp THPT năm 2019, năm 2020.

#### **IV. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp**

1. Thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng, các nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trúng tuyển ở nguyện vọng 1 sẽ dừng xét ở các nguyện vọng tiếp theo.

2. Số lượng thí sinh xét tuyển thẳng quy định tại Mục I và II của quy định này không quá 05% tổng chỉ tiêu, số lượng thí sinh xét tuyển kết hợp quy định tại Mục III của quy định này không quá 25% tổng chỉ tiêu. Nếu số lượng hồ sơ đăng ký vượt chỉ tiêu thì Hội đồng tuyển sinh sẽ xét các tiêu chí theo trình tự quy định tại *Phụ lục 5*.

#### **V. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng**

**1. Thí sinh là các đối tượng tại Mục I, II sẽ đăng ký theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

**2. Thí sinh là các đối tượng tại Mục III sẽ đăng ký như sau:**

##### **2.1. Hồ sơ**

a. Thí sinh là các đối tượng 1, đối tượng 2 tại Mục III:

- Phiếu đăng ký xét tuyển kết hợp đại học chính quy năm 2020 (theo mẫu trong *Phụ lục 3*).
- 01 bản sao hợp pháp Học bạ THPT tính đến thời điểm nộp hồ sơ xét tuyển kết hợp.
- 01 bản sao hợp pháp Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2020 (nộp sau khi có kết quả thi).
- 02 bản sao hợp pháp chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (đối với thí sinh là đối tượng 2).
- 02 phong bì đã dán tem và ghi rõ họ và tên, địa chỉ, số điện thoại, email của thí sinh hoặc phụ huynh để Nhà trường thông báo kết quả;

b. Thí sinh là đối tượng 3 tại Mục III:

- Phiếu đăng ký xét tuyển kết hợp đại học chính quy năm 2020 (theo mẫu trong *Phụ lục 3*);
- 01 bản sao hợp pháp Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2019, năm 2020 (nộp sau khi có kết quả thi).
- 02 bản sao hợp pháp bảng kết quả thi SAT, ACT, A-level hoặc kết quả thi chuyển từ đơn vị tổ chức thi tới Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Hà Nội.
- 02 phong bì đã dán tem và ghi rõ họ và tên, địa chỉ, số điện thoại, email của thí sinh hoặc phụ huynh để Nhà trường thông báo kết quả;

##### **2.2 Lệ phí xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp**

- Thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng tại Mục I, Mục II nộp lệ phí theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thí sinh tại Mục III nộp lệ phí là: 10.000 đồng/01 nguyện vọng. Thí sinh nộp lệ phí cùng với Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp.

##### **2.3. Thời gian nộp hồ sơ:**

- Đối tượng quy định tại Mục I, II: Thí sinh gửi hồ sơ về Sở GDĐT trước ngày 20/07/2020.

- Đối tượng quy định tại Mục III:

+ Thí sinh nộp hồ sơ tại Trường Đại học Hà Nội từ ngày 14/8 đến hết ngày 18/8/2020.

+ Thời gian thông báo kết quả xét tuyển thẳng: trước 17h00 ngày 20/8/2020.

+ Thí sinh xác nhận nhập học: trước 17h00 ngày 05/9/2020. Quá thời hạn này, những thí sinh không xác nhận nhập học được xem như là từ chối quyền được học đại học chính quy tại Trường Đại học Hà Nội.

## **2.4 Hình thức nộp hồ sơ**

a. Nộp trực tiếp tại Trường Đại học Hà Nội:

- Địa điểm: Phòng 112, tầng 1, nhà A, Trường Đại học Hà Nội, Km 9, đường Nguyễn Trãi, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội;

b. Nộp qua đường bưu điện:

- Cách thức: Phải theo hình thức chuyển phát nhanh hoặc chuyển phát ưu tiên.

Địa chỉ nhận hồ sơ: Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Hà Nội: Km9, đường Nguyễn Trãi, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. (Bên ngoài phong bì thư ghi thêm thông tin: Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển kết hợp).

- Lưu ý: Để hồ sơ không bị thất lạc và được chuyển đúng thời gian theo quy định, Trường Đại học Hà Nội khuyến khích thí sinh nộp hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp tại Trường.

## **VI. Kết quả xét tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp:**

1. Nhà trường công bố kết quả xét tuyển thẳng và xét tuyển kết hợp trên trang thông tin điện tử: [www.hanu.vn](http://www.hanu.vn).

2. Thí sinh trong danh sách trúng tuyển sẽ nhận Giấy thông báo trúng tuyển. Thí sinh trực tiếp đến nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển kết hợp sẽ nhận tại Trường. Thí sinh gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng hoặc xét tuyển kết hợp qua đường bưu điện sẽ nhận qua bưu điện.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã kí)

**Nguyễn Văn Trào**

## PHỤ LỤC 1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

### DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI HỌC SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI

(Kèm theo Quyết định số 859/QĐ-ĐHHN ngày 02 tháng 6 năm 2020)

TT	Môn đoạt giải	Ngành được xét tuyển thẳng	Ghi chú
1	Môn Địa lí	Ngôn ngữ Trung quốc Ngôn ngữ Tây Ban Nha Ngôn ngữ Italia Quốc tế học (dạy bằng tiếng Anh) Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (dạy bằng tiếng Anh) Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh) Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh) Kế toán (dạy bằng tiếng Anh) Marketing (dạy bằng tiếng Anh)	
2	Môn Tin học	Công nghệ Thông tin (dạy bằng tiếng Anh) Truyền thông Đa phương tiện (dạy bằng tiếng Anh) Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (dạy bằng tiếng Anh) Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh) Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh) Kế toán (dạy bằng tiếng Anh) Marketing (dạy bằng tiếng Anh)	
3	Môn tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh Ngôn ngữ Nga Ngôn ngữ Pháp Truyền thông Doanh nghiệp (dạy bằng tiếng Pháp) Ngôn ngữ Trung Quốc Ngôn ngữ Đức Ngôn ngữ Tây Ban Nha Ngôn ngữ Bồ Đào Nha Ngôn ngữ Italia Ngôn ngữ Nhật Ngôn ngữ Hàn Quốc Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh) Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh) Kế toán (dạy bằng tiếng Anh)	

		<p>Công nghệ Thông tin (dạy bằng tiếng Anh)  Truyền thông Đa phương tiện (dạy bằng tiếng Anh)  Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (dạy bằng tiếng Anh)  Quốc tế học (dạy bằng tiếng Anh)  Marketing (dạy bằng tiếng Anh)</p>	
4	Môn tiếng Nga	<p>Ngôn ngữ Nga  Ngôn ngữ Anh  Ngôn ngữ Đức  Quốc tế học (dạy bằng tiếng Anh)  Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (dạy bằng tiếng Anh)  Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh)  Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh)  Kế toán (dạy bằng tiếng Anh)  Marketing (dạy bằng tiếng Anh)</p>	
5	Môn tiếng Trung Quốc	<p>Ngôn ngữ Trung Quốc  Ngôn ngữ Anh  Quốc tế học (dạy bằng tiếng Anh)  Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (dạy bằng tiếng Anh)  Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh)  Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh)  Kế toán (dạy bằng tiếng Anh)  Marketing (dạy bằng tiếng Anh)</p>	
6	Môn tiếng Pháp	<p>Ngôn ngữ Anh  Ngôn ngữ Pháp  Ngôn ngữ Đức  Ngôn ngữ Italia  Ngôn ngữ Tây Ban Nha  Ngôn ngữ Bồ Đào Nha  Truyền thông Doanh nghiệp (dạy bằng tiếng Pháp)  Quốc tế học (dạy bằng tiếng Anh)  Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (dạy bằng tiếng Anh)  Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh)  Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh)  Kế toán (dạy bằng tiếng Anh)  Marketing (dạy bằng tiếng Anh)</p>	

7	Vật lí	<p>Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Kế toán (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Công nghệ Thông tin (dạy bằng tiếng Anh)</p>	
8	Hóa học	<p>Quốc tế học (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Kế toán (dạy bằng tiếng Anh)</p>	
9	Toán học	<p>Quốc tế học (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Công nghệ Thông tin (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Kế toán (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Truyền thông Đa phương tiện (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Marketing (dạy bằng tiếng Anh)</p>	
10	Ngữ văn	<p>Ngôn ngữ Anh</p> <p>Ngôn ngữ Nga</p> <p>Ngôn ngữ Pháp</p> <p>Ngôn ngữ Trung quốc</p> <p>Ngôn ngữ Đức</p> <p>Ngôn ngữ Tây Ban Nha</p> <p>Ngôn ngữ Bồ Đào Nha</p> <p>Ngôn ngữ Italia</p> <p>Ngôn ngữ Nhật</p> <p>Ngôn ngữ Hàn quốc</p> <p>Quốc tế học (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Quản trị Kinh doanh (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Truyền thông Đa phương tiện (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Tài chính - Ngân hàng (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Kế toán (dạy bằng tiếng Anh)</p> <p>Marketing (dạy bằng tiếng Anh)</p>	

## PHỤ LỤC 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

### DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN ĐƯỢC ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 859/QĐ-ĐHHN ngày 02 tháng 6 năm 2020)

TT	Mã tỉnh	Tỉnh	Mã trường	Tên Trường	Ghi chú
1	01	Hà Nội	009	THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội	
2	01	Hà Nội	010	THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam	
3	01	Hà Nội	011	THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội	
4	01	Hà Nội	012	THPT chuyên Nguyễn Huệ	
5	01	Hà Nội	013	THPT chuyên Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội	
6	01	Hà Nội	008	Trường THPT chất lượng cao chuyên chuẩn trọng điểm Quốc gia Chu Văn An	
7	01	Hà Nội	079	THPT Sơn Tây	
8	02	Hồ Chí Minh	004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	
9	02	Hồ Chí Minh	016	THPT chuyên Lê Hồng Phong	
10	02	Hồ Chí Minh	019	Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	
11	03	Hải Phòng	013	THPT chuyên Trần Phú	
12	04	Đà Nẵng	005	THPT chuyên Lê Quý Đôn	
13	05	Hà Giang	012	THPT chuyên Hà Giang	
14	06	Cao Bằng	004	THPT chuyên Cao Bằng	
15	07	Lai Châu	001	THPT chuyên Lê Quý Đôn	
16	08	Lào Cai	018	THPT chuyên Lào Cai	
17	09	Tuyên Quang	009	THPT chuyên Tuyên Quang	
18	10	Lạng Sơn	002	THPT chuyên Chu Văn An	
19	11	Bắc Kạn	019	THPT chuyên Bắc Kạn	
20	12	Thái Nguyên	010	THPT chuyên Thái Nguyên	
21	13	Yên Bái	001	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	
22	14	Sơn La	004	THPT chuyên Sơn La	
23	15	Phú Thọ	001	THPT chuyên Hùng Vương	
24	16	Vĩnh Phúc	012	THPT chuyên Vĩnh Phúc	
25	17	Quảng Ninh	001	THPT chuyên Hạ Long	
26	18	Bắc Giang	012	THPT chuyên Bắc Giang	
27	19	Bắc Ninh	009	THPT chuyên Bắc Ninh	
28	21	Hải Dương	013	THPT chuyên Nguyễn Trãi	
29	22	Hung Yên	011	THPT chuyên Hưng Yên	
30	23	Hòa Bình	012	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ	
31	24	Hà Nam	011	THPT chuyên Biên Hòa	
32	25	Nam Định	002	THPT chuyên Lê Hồng Phong	



33	26	Thái Bình	002	THPT chuyên Thái Bình	
34	27	Ninh Bình	011	THPT chuyên Lương Văn Tụy	
35	28	Thanh Hóa	010	THPT chuyên Lam Sơn	
36	29	Nghệ An	006	THPT chuyên Phan Bội Châu	
37	29	Nghệ An	007	THPT chuyên Đại học Vinh	
38	30	Hà Tĩnh	040	THPT chuyên Hà Tĩnh	
39	31	Quảng Bình	004	THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	
40	32	Quảng Trị	024	THPT chuyên Lê Quý Đôn	
41	33	Thừa Thiên - Huế	001	THPT chuyên Quốc Học	
42	33	Thừa Thiên - Huế	010	THPT chuyên Đại học Khoa học, ĐH Huế	
43	34	Quảng Nam	007	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	
44	34	Quảng Nam	010	THPT chuyên Lê Thánh Tông	
45	35	Quảng Ngãi	013	THPT chuyên Lê Khiết	
46	36	Kon Tum	003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	
47	37	Bình Định	003	THPT chuyên Lê Quý Đôn	
48	38	Gia Lai	005	THPT chuyên Hùng Vương	
49	39	Phú Yên	001	THPT Nguyễn Huệ	
50	39	Phú Yên	005	THPT chuyên Lương Văn Chánh	
51	40	Đắk Lắk	024	THPT chuyên Nguyễn Du	
52	41	Khánh Hòa	017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	
53	42	Lâm Đồng	008	THPT chuyên Thăng Long Đà Lạt	
54	42	Lâm Đồng	093	THPT chuyên Bảo Lộc	
55	43	Bình Phước	003	THPT chuyên Quang Trung	
56	43	Bình Phước	042	THPT chuyên Bình Long	
57	44	Bình Dương	002	THPT chuyên Hùng Vương	
58	45	Ninh Thuận	001	THPT Nguyễn Trãi	
59	45	Ninh Thuận	017	THPT chuyên Lê Quý Đôn	
60	46	Tây Ninh	003	THPT chuyên Hoàng Lê Kha	
61	47	Bình Thuận	013	THPT chuyên Trần Hưng Đạo	
62	48	Đồng Nai	001	THPT chuyên Lương Thế Vinh	
63	49	Long An	060	THPT chuyên Long An	
64	49	Long An	072	THPT Năng khiếu, ĐH Tân Tạo	
65	50	Đồng Tháp	016	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu	
66	50	Đồng Tháp	023	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu	
67	51	An Giang	002	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu	
68	51	An Giang	008	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa	
69	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	004	THPT chuyên Lê Quý Đôn	
70	53	Tiền Giang	016	THPT chuyên Tiền Giang	
71	54	Kiên Giang	002	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt	
72	55	Cần Thơ	013	THPT chuyên Lý Tự Trọng	
73	56	Bến Tre	030	THPT chuyên Bến Tre	
74	57	Vĩnh Long	015	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm	
75	58	Trà Vinh	012	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành	

76	59	Sóc Trăng	003	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	
77	60	Bạc Liêu	009	THPT chuyên Bạc Liêu	
78	61	Cà Mau	016	THPT chuyên Phan Ngọc Hiến	
79	62	Điện Biên	002	THPT chuyên Lê Quý Đôn	
80	63	Đắk Nông	037	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	
81	64	Hậu Giang	002	THPT chuyên Vị Thanh	

### PHỤ LỤC 3

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG,  
ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THĂNG VÀ XÉT TUYỂN KẾT HỢP  
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI, NĂM 2020**  
*(Dành cho thí sinh thuộc diện xét tuyển thăng, ưu tiên xét tuyển thăng  
và xét tuyển kết hợp theo Quy định của Trường Đại học Hà Nội năm 2020)*

Ảnh 4x6

**1. Đối tượng:** .....

*(Ghi theo đúng các đối tượng tại Quy định về việc xét tuyển thăng, ưu tiên xét tuyển thăng và xét tuyển kết hợp vào Trường Đại học Hà Nội năm 2020)*

**2. Họ và tên thí sinh** *(Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)*

..... *(nữ ghi 1, nam ghi 0)* **Giới**

**3. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**

*(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)*          
**ngày tháng năm**

**4. Số CMND** *(như hồ sơ đăng ký dự thi)*

**5. Điện thoại** *(như hồ sơ đăng ký dự thi):* ..... **Email:** .....

**6. Nơi sinh** *(tỉnh, thành phố):* .....

**7. Năm tốt nghiệp THPT** .....

**8. Đăng ký xét tuyển thăng vào ngành học:**

Số TT	Mã trường	Mã ngành/Nhóm ngành	Tên ngành/Nhóm ngành
1	NHF		
2	NHF		
3	NHF		

**9. Địa chỉ báo tin:** .....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp  
12 trường ..... đã khai  
đúng sự thật.

Ngày ..... tháng ..... năm 2020  
**Chữ ký của thí sinh**

Ngày ..... tháng ..... năm 2020

**Hiệu trưởng**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## PHỤ LỤC 4

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

### DANH MỤC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ ĐƯỢC ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 859/QĐ-ĐHHN ngày 02 tháng 6 năm 2020)

TT	Môn Ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu/ Đơn vị cấp chứng chỉ	Ghi chú
1	Tiếng Anh	Thí sinh có một trong các chứng chỉ sau trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp: Chứng chỉ IELTS với điểm trung bình chung từ 6.5 trở lên do Hội đồng Anh hoặc IDP cấp; chứng chỉ TOEFL với điểm trung bình chung từ 580 trở lên đối với PBT, từ 240 trở lên đối với CBT, từ 95 trở lên đối với iBT ETS do ETS cấp; chứng chỉ CAE do Cambridge ESOL cấp.	
2	Tiếng Nga	Thí sinh có giấy chứng nhận điểm TRKI 2 do một trường đại học ở Nga hoặc một tổ chức quốc tế được công nhận cấp, trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp.	
3	Tiếng Pháp	Thí sinh có chứng chỉ DELF B1 do CIEP (Centre International d'Etudes Pédagogiques) cấp, trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp.	
4	Tiếng Trung Quốc	Thí sinh có Chứng chỉ trình độ tiếng Trung Quốc HSK 4 với điểm các kỹ năng đạt từ 70 điểm trở lên và chứng chỉ HSKK trung cấp với điểm từ 60 điểm trở lên do Văn phòng Hán ngữ Đối ngoại Trung Quốc (Han Ban) cấp, trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp.	
5	Tiếng Đức	Thí sinh có một trong những chứng chỉ sau trong thời hạn không quá 02 năm (kể từ ngày cấp): - Chứng chỉ trình độ từ B1 trở lên (do viện Goethe hoặc trung tâm khảo thí ÖSD cấp), - Chứng chỉ DSD I và DSD II (do KMK cấp); - Bằng DSH do các trường đại học tại CHLB Đức cấp; - Chứng chỉ TestDaF đạt mức điểm từ 3 trở lên do DAAD cấp.	
6	Tiếng Nhật	Thí sinh có Chứng chỉ Năng lực tiếng Nhật (JLPT) cấp độ N3 (tổng điểm các kỹ năng đạt từ 150 điểm trở lên), cấp độ N2, N1 do Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản cấp, trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp .	
7	Tiếng Hàn Quốc	Thí sinh có Chứng chỉ Năng lực tiếng Hàn Quốc (TOPIK) từ cấp độ 3 trở lên (cấp 3, 4, 5, 6) do Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp, trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp.	
8	Tiếng Bồ Đào Nha	Thí sinh có chứng chỉ cấp độ DEPLE do CAPLE (Bồ Đào Nha) cấp trở lên hoặc chứng chỉ CELPE-BRAS trình độ Intermediário Superior do INEP (Braxin) cấp trở lên.	
9	Tiếng Tây Ban Nha	Thí sinh có chứng chỉ DELE (Chứng chỉ tiếng Tây Ban Nha như ngoại ngữ) trình độ B1 trở lên do Viện Cervantes của Tây Ban Nha cấp, trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp.	
10	Tiếng Italia	Thí sinh có một trong các chứng chỉ trong thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp sau đây: CELI 2 do Trường Đại học dành cho Người nước ngoài Perugia - Italia cấp, chứng chỉ CILS B1 do Trường Đại học dành cho Người nước ngoài Siena - Italia cấp, chứng chỉ Ele.IT do Trường Đại học Tổng hợp Roma 3 - Italia cấp, chứng chỉ Plida B1 do Hội Dante Alighieri cấp.	

**TIÊU CHÍ XÉT CHỌN THÍ SINH DIỆN XÉT TUYỂN KẾT HỢP NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 859/QĐ-ĐHNN ngày 02 tháng 6 năm 2020)

TT	Đối tượng	Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5
		Điểm thi trong kỳ thi chuẩn hóa	Bậc cao nhất CC NN quốc tế	TBC môn NN	TBC 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (*)	TBC 3 năm THPT
1	Thí sinh là học sinh các lớp chuyên thuộc trường THPT chuyên			từ 7.0	từ 7.0	từ 8.0
2	Thí sinh là học sinh THPT có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế		Mức tại Phụ lục 4 trở lên	từ 7.0	từ 7.0	từ 8.0
3	Thí sinh có điểm SAT	1100/1600				
4	Thí sinh có điểm ACT	24/36				
5	Thí sinh có điểm A-Level, UK	60/100				

(\*) Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ hoặc Toán, Vật lý, Tiếng Anh (đối với ngành CNTT)

Nguyên tắc xét chọn:

- Thí sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng (NV), các NV phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (NV 1 là NV cao nhất). Trúng tuyển ở NV1 sẽ dừng xét các NV tiếp theo.
- Đối với đối tượng quy định tại mục 1 và mục 2, Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) xét chọn từ cao xuống thấp theo Tổng điểm các Tiêu chí 3, 4 và 5 (đã nhân trọng số) cho đến hết chỉ tiêu. Trong trường hợp số NV vượt quá chỉ tiêu của từng ngành đào tạo và có nhiều thí sinh ở cuối danh sách có tổng điểm xét bằng nhau, HĐTS sẽ sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển, lần lượt là Thứ tự nguyện vọng, Tiêu chí 3, Tiêu chí 4 và Tiêu chí 5.
- Đối với đối tượng quy định tại mục 3, 4 và 5, trong trường hợp số NV vượt quá chỉ tiêu của từng ngành đào tạo, HĐTS sẽ xét chọn căn cứ vào Thứ tự NV và Kết quả điểm của các chứng chỉ thí sinh đã nộp.

Ghi chú:

- Trọng số của Tiêu chí 3 là 1,2; của Tiêu chí 4 là 1,0; và của Tiêu chí 5 là 0,8.